

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 42/2025/HS-ST

Ngày 09-6-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba.

2. Ông Đoàn Thanh Phong.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quỳ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Triệu M, sinh ngày 03/02/2007, tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp X, xã L, Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Số căn cước công dân: 094207001582 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/7/2022; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu B và bà Sơn Thị H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/02/2025; Bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố M và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- **Chị Lê Thị L**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu V, xã T, Quận Ô, thành phố Cần Thơ;

Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Anh Đoàn Văn Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ;

Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Chị Trần Thị Thu V**, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Sơn Thị H**, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng;

Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Triệu B**, sinh năm 1979 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng;

Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B, ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/8/2024, chị Lê Thị L đến trình báo Cơ quan Công an về việc bị mất nhiều tài sản trước đó. Quá trình xác minh, làm việc Triệu M thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do cha mẹ ruột cùng làm thuê chung với chị Lê Thị L tại khu trại chăn nuôi gà của anh Lê Quang M1 và ở nhà nghỉ trong cùng khu tập thể gần nhau nên Triệu M có đến chơi thấy chị L có mang vàng nữ trang (nhẫn, vòng ximen) nên Triệu M đã thực hiện các lần trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất, khoảng 11 giờ ngày 06/7/2024, Triệu M đột nhập vào bên trong nhà nghỉ của chị Lê Thị L (cửa nhà không khóa) lục soát ba lô đặt tại khu vực gian bếp cạnh giường ngủ và phát hiện bên trong ví màu đỏ có số tiền 800.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng nữ trang 18K (trọng lượng 07 phân 08 ly) lấy bỏ vào túi quần. Sau đó Triệu M đi ra trước khu nhà nghỉ phát hiện trên ghế đá có 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi 9A màu xanh của anh Đoàn Văn Đ nên lấy bỏ vào túi quần rồi rời đi.

Vụ thứ hai, khoảng 14 giờ ngày 19/7/2024, Triệu M tiếp tục đến nhà nghỉ của chị L để tìm tài sản lấy trộm. Do cửa nhà bị khóa nên Triệu M tìm thấy cái kéo bằng kim loại có sẵn phía trước khu nhà nghỉ để cắt rách tấm bạt nylon màu đen che phủ cửa vào, Triệu M đột nhập vào bên trong lục soát thì phát hiện trong gối ngủ trên giường có số tiền là 1.350.000 đồng và 05 chiếc vòng ximen loại vàng 18K (trọng lượng mỗi chiếc vòng là 07 phân) lấy trộm rồi rời đi.

Đồng thời Triệu M còn khai nhận đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản tại tiệm tạp hóa của bà Trần Thị Thu V, cụ thể: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 19/11/2024 đã trộm cắp số tiền khoảng 600.000 đồng, 01 bao thuốc lá Jet, 04 chai nước ngọt bò húc. Khoảng 00 giờ 25 phút ngày 25/11/2024 đã trộm cắp số tiền khoảng 600.000

đồng, 01 bao thuốc lá Jet, 04 chai nước ngọt Sting. Toàn bộ số tài sản trộm được Triệu M đã tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 10 giờ ngày 20/7/2024, Triệu M mang điện thoại Redmi 9A trộm được đến bán cho Nguyễn Thành N là chủ cửa hàng sửa chữa điện thoại “Thành Nhân” gần Quốc lộ E, thuộc địa bàn ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang được số tiền 450.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ trưa cùng ngày, Triệu M mang 01 chiếc nhẫn và 05 vòng ximen trộm được đến bán cho bà Nguyễn Kim V1 là chủ tiệm V4, thuộc địa bàn ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang được số tiền lần lượt là 11.560.000 đồng.

Ngày 06/7/2024, Triệu Mel trộm cắp của chị L số tiền 800.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng nữ trang 18K (trọng lượng 07 phân 08 ly) và 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi 9A, màu xanh của anh Đoàn Văn Đ; Ngày 19/7/2024 Triệu Mel trộm cắp của chị L số tiền là 1.350.000 đồng và 05 chiếc vòng ximen loại vàng 18K (trọng lượng mỗi chiếc vòng là 07 phân); Ngày 19/11/2024 đã trộm cắp của chị V số tiền 600.000 đồng, 01 bao thuốc lá Jet, 04 chai nước ngọt bò húc và ngày 25/11/2024 số tiền 600.000 đồng, 01 bao thuốc lá Jet, 04 chai nước ngọt.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 26.002.000 đồng, trong đó có 02 vụ trộm cắp giá trị tài sản lần lượt là 4.232.000 đồng và 19.270.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐGTS ngày 14/10/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 bộ ximen gồm 05 chiếc vòng tay, loại vàng 18K, trọng lượng mỗi chiếc là 0,7 phân, mua mới vào 06/9/2023. Giá 5.120.000 đồng/chỉ x 3,5 chỉ = 17.920.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 17.920.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 54/KL-ĐGTS ngày 01/12/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận:

- Một chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 07 phân 08 ly. Giá: 4.400.000 đồng/chỉ x 0,78 chỉ = 3.432.000 đồng.

- Một điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh, được mua lại đã qua sử dụng vào tháng 5/2024. Giá 1.500.000 đồng/1 cái x 01 cái x 80% = 1.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 4.632.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐGTS ngày 05/02/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận:

- 01 gói thuốc lá, hiệu Jet, chưa qua sử dụng. Hội đồng không xác định được giá trị (là hàng cấm bán trên thị trường);

- 04 chai nước ngọt, hiệu Sting. Giá 10.000 đồng/1 chai x 04 chai = 40.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 40.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS ngày 15/4/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận:

- 01 gói thuốc lá, hiệu Jet, chưa qua sử dụng. Hội đồng không xác định được giá trị (là hàng cấm bán trên thị trường);

- 04 lon nước tăng lực bò húc, hiệu RedBull (loại thường). Giá 15.000 đồng/1 lon x 04 chai = 60.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 60.000 đồng.

Kết luận giám định số 255/KL-KTHS(Đ2) ngày 07/3/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận số tiền 1.384.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSCG ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Triệu M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện C giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng; Qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Triệu M phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu M mức án từ 1 năm - 1 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu Redmi 9C. Điện thoại do bị can Triệu M giao nộp không phải là điện thoại trộm được, không liên quan đến việc trộm cắp.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) mảnh bạt đen, bằng nylon, kích thước (9,5x13,0)cm. Là tài sản Triệu M huỷ hoại khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không còn giá trị sử dụng.

+ 01 (một) cái kéo bằng kim loại, màu đen, hiệu “Năm Bạch”, phần cán bọc nhựa màu đen, dài 24cm. Là dụng cụ Triệu M sử dụng để cắt rách tấm bạt che phủ cửa vào lấy trộm tài sản.

- Trả lại cho chị H 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng SONIC, màu trắng-đỏ-đen, gắn biển số 63B4-803.77 do đây là xe mô tô chị H mua để sử dụng, việc bị cáo lấy xe đi trộm cắp tài sản thì chị H không biết.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 1.384.000 đồng do đây là tiền bị cáo đi làm mà có, không liên quan đến việc trộm cắp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thống nhất với Cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt, xử lý vật

chứng. Bị cáo có lời nói sau cùng, bị cáo biết mình có hành vi vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại là chị L, anh Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy, việc vắng mặt nay không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo, bị cáo đồng ý tiếp tục xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục phiên tòa xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Ngày 06/7/2024, bị cáo trộm cắp số tiền 800.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng nữ trang 18K (trọng lượng 07 phân 08 ly) của chị L và 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Redmi 9A màu xanh của anh Đoàn Văn Đ; Ngày 19/7/2024 bị cáo trộm cắp của chị L số tiền là 1.350.000 đồng và 05 chiếc vòng ximen loại vàng 18K (trọng lượng mỗi chiếc vòng là 07 phân); Ngày 19/11/2024 đã trộm cắp của chị V số tiền 600.000 đồng, 01 bao thuốc lá Jet, 04 chai nước ngọt bò húc và ngày 25/11/2024 số tiền 600.000 đồng, 01 bao thuốc lá Jet, 04 chai nước ngọt. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 26.002.000 đồng, trong đó có 02 vụ trộm cắp giá trị tài sản lần lượt là 4.232.000 đồng và 19.270.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi dùng kéo cắt rách tấm bạt để đột nhập vào trong lấy trộm tài sản của chị L, theo kết quả định giá tài sản thì không xác định được giá trị (chị L trình bày là cách đây hơn 05 năm đã nhặt tấm bạt cũ do người khác vứt bỏ để mang về tận dụng làm tấm che cửa). Do tài sản không có giá trị nên không xem xét xử lý hình sự đối với bị cáo về tội hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.

Theo lời khai ban đầu là bị cáo bị nhóm bạn ngoài xã hội gồm Huỳnh Tấn L1, Đoàn Quốc Q, Lâm Phúc V2 và Nguyễn Ngọc V3 rủ rê đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, qua xác minh, Huỳnh Tấn L1, Đoàn Quốc Q, Lâm Phúc V2 và Nguyễn Ngọc V3 trình bày không biết gì về việc bị cáo trộm cắp tài sản. Hiện tại, bị cáo thừa nhận lời khai ban đầu là không đúng sự thật, lý do là sợ một mình phải chịu tội nặng nên khai cùng bạn bè đi trộm và có chia lợi ích sau khi trộm, thực tế không có ai tham

gia giúp sức hay có bất cứ hành vi rủ rê, xúi giục bị cáo phạm tội; bị cáo có mời bạn bè ăn uống nhưng nói là tiền lương, không nói là tiền do trộm mà có. Do đó không có căn cứ xử lý hình sự đối với Huỳnh Tấn L1, Đoàn Quốc Q, Lâm Phúc V2, Nguyễn Ngọc V3.

Đối với Nguyễn Thành N là người đã mua điện thoại trộm cắp mà có, Nguyễn Kim V1 là chủ tiệm V4 đã mua sổ vàng trộm cắp mà có. Qua xác minh, Nguyễn Thành N và Nguyễn Kim V1 không biết đó là tài sản có được do trộm cắp. Do đó không có căn cứ xử lý hình sự về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với chị Sơn Thị H và anh Triệu B là cha mẹ ruột của bị cáo trình bày là mua xe để vợ chồng đi lại và bằng tiền chung của vợ chồng, anh chị không biết việc bị cáo sử dụng xe để trộm cắp tài sản, do đó không xử lý hình sự đối với bà Sơn Thị H và anh Triệu B.

[4] Điều luật quy định: “Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Tính chất, mức độ hành vi: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét khi xử lý. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần. Chỉ vì tham lam mà bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đồng thời cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho mọi người.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nên đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

- Đồng phạm: Trong vụ án này không có đồng phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Triệu M đã bồi thường cho chị L số tiền 19.000.000 đồng, chị L đã nhận đủ số tiền trên và hiện không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Đoàn Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng và chị Trần Thị Thu V yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Đ và chị V nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu Redmi 9C do bị cáo giao nộp không phải là điện thoại trộm được, không liên quan đến việc trộm cắp tài sản nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) mảnh bạt đen, bằng nylon, kích thước (9,5x13,0)cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại, màu đen, hiệu “Năm Bạch”, phần cán bọc nhựa màu đen, dài 24cm là dụng cụ bị cáo sử dụng để cắt rách tấm bạt che phủ cửa vào lấy trộm tài sản nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng SONIC, màu trắng-đỏ-đen, gắn biển số 63B4-803.77 bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản và bán tài sản trộm cắp. Qua xác minh xe mô tô biển số 6B4-803.77 do Trần Văn C, ngụ Ô, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu. Anh Trần Văn C trình bày đã bán xe cho một người không rõ họ tên, địa chỉ, chưa làm thủ tục sang tên. Bị cáo trình bày xe mô tô biển số 6B4-803.77 do mẹ bị cáo là chị H mua để sử dụng, việc bị cáo lấy xe đi trộm cắp tài sản thì mẹ bị cáo không biết nên trả lại cho chị H và ông B.

- Số tiền 1.384.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến việc trộm cắp tài sản nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Xét ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tội danh, mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với nhân thân và hành vi của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí:

Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, chị V, anh B và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L, anh Đ, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Triệu M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu M 09 (Chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2025.

2/ Về vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu Redmi 9C.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mảnh bạt đen, bằng nylon, kích thước (9,5x13,0)cm; 01 (một) cái kéo bằng kim loại, màu đen, hiệu “Năm Bạch”, phần cán bọc nhựa màu đen, dài 24cm.

Trả lại cho chị Sơn Thị H: 01 (một) xe mô tô hai bánh, kiểu dáng SONIC, màu trắng-đỏ-đen, gắn biển số 6B4-803.77.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.384.000 đồng trong gói niêm phong có đóng mộc đỏ của Phòng K Công an tỉnh T có chữ ký của Trịnh Thúy L2 và Lê Minh T1 và ký hiệu số 255 để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/6/2025)

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bà Trần Thị Thu V. Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị Thu V số tiền 1.500.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Đoàn Văn Đ. Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đoàn Văn Đ số tiền 1.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, chị V, anh B và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L, anh Đ, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Công an h. Chợ Gạo;
- Phân trại tạm giam khu vực TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni